TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: /2019/HNGĐ- ST
Ngày 30/09/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Từ Tứ Hải**
2. Ông Văn Thành Nhiều
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Trần Huỳnh Thiên Ân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 30 tháng 09 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 06 năm 2019 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 09 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T T, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn**: Anh Lê Văn T** sinh năm 1990 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T T, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Trần Thị Thanh T trình bày: tôi và anh Lê Văn T chung sống với nhau đầu năm 2006, vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 15/02/2016 tại UBND xã H A, huyện C M, tỉnh An Giang. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 06 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống lúc đầu có hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T hay ghen tuông vô cớ, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, tôi có khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Tôi xét thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Hồng H, sinh ngày 25/04/2017.

Hiện nay cháu H đang chung sống với tôi,

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về quan hệ con chung: tôi xin nhận nuôi cháu Lê Thị Hồng H, tôi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn anh Lê Văn T trình bày**: Theo bản tự khai và biên bản phiên hòa giải ngày 20/09/2019 anh T trình bày: qua lời trình bày của vợ tôi về ngày, tháng, năm kết hôn, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn, có 01 con chung, không có tài sản chung và nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Hiện nay tôi vẫn còn rất thương yêu vợ con tôi.

Tại Tòa án anh T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn với cô Trần Thị Thanh T.

Về quan hệ con chung: Tôi xin giao cháu Lê Thị Hồng H cho vợ tôi nuôi dưỡng, tôi đồng ý cấp dưỡng cho cháu H mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Lê Văn T với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong các trường hợp sau đây: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và anh T đã được Tòa án tống đạt, thông báo quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy đinh tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị T về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Lê Văn T là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là do anh T hay ghen tuông vô cớ, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, chị T có khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy lời yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh T được Tòa án chấp thuận.

[4] **Về quan hệ con chung:** Chị T xin được nhận nuôi cháu Lê Thị Hồng H, sinh ngày 25/04/2017, chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy giao cháu Lê Thị Hồng H, sinh ngày 25/04/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Do cháu Lê Thị Hồng H hiện nay 02 tuổi, cháu H còn quá nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ và tại phiên hòa giải thì anh T cũng đồng ý giao cháu Lê Thị Hồng H cho chị T chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Vì vậy được Hội đồng xét xử ghi nhận. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5] Xét yêu cầu của chị T yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi là có cơ chấp nhận. Bởi vì theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn và gia đình năm 2014 quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Tại phiên hòa giải cho thấy anh T đồng ý cấp dưỡng cho cháu Lê Thị Hồng H số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử ghi nhận, thời gian bắt đầu anh T cấp dưỡng nuôi con kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[6]Xét lời yêu cầu của bị đơn anh Lê Văn T về quan hệ hôn nhân: anh không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Thanh T là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích của hôn nhân không đạt được". Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T hay ghen tuông vô cớ, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, chị T có khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ đó chị T và anh T bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và việc hòa giải giữa chị T và anh T tại Tòa án không thành.

Chính vì vậy bác lời khai nại của anh Lê Văn T.

[7] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung**: Do chị T và anh T không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] **Về án phí Hôn nhân sơ thẩm**: chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003554 ngày 29/08/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Thanh T và anh Lê Văn T được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Trần Thị Thanh T và anh Lê Văn T. Giao cháu Lê Thị Hồng H, sinh ngày 25/04/2017 cho chị Trần Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu H kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Thanh T nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003554 ngày 29/08/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ.

4. Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh Lê Văn T nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định

tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Trần Thị Thanh T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Lê Văn T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật